

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ**  
**NĂM HỌC 2023 - 2024**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TRƯỜNG TH TRẦN PHÚ

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Trung Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Đỗ Thị Thanh Hoà	Phó Hiệu trưởng-CTCD	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Trần Hoài Thương	Tổ trưởng tổ 4 -5	Thư ký Hội đồng	
4	Lại Thị Hương Thảo	Tổ trưởng tổ 4-5	Ủy viên Hội đồng	
5	Hoàng Thị Hà	TPCM	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Thị Thắm	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
7	Trần Hà Mi	TPCM	Ủy viên Hội đồng	
8	Đàm Thị Hoa Lê	TPCM	Ủy viên Hội đồng	
9	Lý Thị Quỳnh Như	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
10	<b>Lê Thị Nhung</b>	<b>TBTTND</b> <b>Giáo viên</b>	<b>Ủy viên Hội đồng</b>	
11	<b>Đặng Thị Bình</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>Ủy viên Hội đồng</b>	
12	<b>Lê Thị Lan Dung</b>	<b>Giáo viên- BT</b> <b>Đoàn TN</b>	<b>Ủy viên Hội đồng</b>	
13	Đặng Thị Hiền	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Đặng Thị Phượng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	<b>Nguyễn Hữu Vũ</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>Ủy viên Hội đồng</b>	
16	Vũ Thuỳ Duyên	Giáo viên-TPT	Ủy viên Hội đồng	
17	Nguyễn Thị Hạnh	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
18	Trần Thị Duyên	Thư kí HĐ Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

**MỤC LỤC**  
**NỘI DUNG**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	
<b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ</b>	
<b>1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	
Mở đầu	
Tiêu chí 1.1	
Tiêu chí 1.2	
Tiêu chí 1.3	
Tiêu chí 1.4	
Tiêu chí 1.5	
Tiêu chí 1.6	
Tiêu chí 1.7	
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	
<b>2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	
Mở đầu	
Tiêu chí 2.1	
Tiêu chí 2.2	
Tiêu chí 2.3	
Tiêu chí 2.4	
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
<b>Nhóm tiêu chí</b>			
Tiêu chí 1.1			Có
Tiêu chí 1.2			Có
Tiêu chí 1.3		x	
Tiêu chí 1.4		x	
Tiêu chí 1.5		x	
Tiêu chí 1.6		x	
Tiêu chí 1.7		x	
<b>Nhóm tiêu chí</b>			
Tiêu chí 2.1			Có
Tiêu chí 2.2			Có
Tiêu chí 2.3			x
Tiêu chí 2.4			x

**Kết quả: Đạt mức độ 2**

**2. Kết luận: Đạt mức độ 2**

**Phần I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: QUẢNG NINH

Huyện/quận /thị xã / thành phố: UÔNG BÍ

Xã / phường/thị trấn: VÀNG DANH

Điện thoại: Fax:

Email: c1tranphu.ub.quangninh@moet.edu.vn

Website: Uongbi.quangninh.edu.vn

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức 2

**1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên**

**Học sinh**

TT	Khối lớp	Số lớp	Số lượng	HSKT
1	1	5	152	
2	2	5	164	
3	3	5	193	
4	4	5	199	
5	5	6	227	1
	<b>TỔNG</b>	<b>26</b>	<b>935</b>	<b>1</b>

**CBQL-Giáo viên-Nhân viên**

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	0	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Giáo viên	39	38	5	01	38	0	
Nhân viên	01	01	0	0	01	0	
<b>Cộng</b>	<b>42</b>	<b>40</b>	<b>5</b>	<b>01</b>	<b>40</b>	<b>01</b>	

**2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số**

- 100% CBQL-GV-NV đạt chuẩn trình độ Tin học ứng dụng.
- Hệ thống hồ sơ sổ sách chuyên môn nhà trường được lập và sử dụng là các hồ sơ điện tử. Có văn bản hướng dẫn lập - sử dụng cụ thể vào đầu các năm học.
- CBQL-GV thành thạo sử dụng thiết bị trong họp, dạy trực tuyến.

- Có kỹ năng khai thác, sử dụng, tạo học liệu số phục vụ bài dạy.
- Có đủ thiết bị, tài khoản, hệ thống LMS có bản quyền để thực hiện hỗ trợ dạy học, kiểm tra trực tuyến. Thực hiện phủ sóng wifi 100% phòng học.
- Tổ chức được các hoạt động tương tác, tài liệu trực tuyến trong quản lí, hoạt động chuyên môn.
- Khó khăn: Chưa có phòng kỹ thuật xây dựng kênh hình dạy học để phục vụ cho bài giảng elearning.

### **3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin**

#### *3.1. Khuôn viên, sân chơi, bãi tập*

Nhà trường có tổng diện tích là 7953,1m<sup>2</sup> (diện tích theo bìa là 6309,3 m<sup>2</sup>, tăng thêm 55,8m<sup>2</sup> do có hộ dân hiến đất để xây dựng dãy phòng học 3 tầng mới từ năm 2017, diện tích sàn tầng 2-3 các dãy nhà 1588m<sup>2</sup>), đạt bình quân gần 8m<sup>2</sup>/ HS. Diện tích sân chơi đạt hơn 2000m<sup>2</sup>, khu bãi tập GDTC hơn 800m<sup>2</sup> bằng phẳng, đảm bảo cho HS được vui chơi, luyện tập thường xuyên.

Hiện tại trường có 45 phòng học và làm việc, trong đó: có 26 phòng học; 05 phòng bộ môn Ngoại ngữ, Mỹ thuật, Âm nhạc, Tin học; phòng học trải nghiệm. 01 thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 phòng đoàn đội; 01 phòng bảo vệ; 02 phòng lưu trữ; 01 phòng y tế; 04 phòng làm việc của CBQL và Công đoàn, kế toán; 02 phòng chờ giáo viên; 01 phòng Hội đồng - truyền thông. Các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho HS và GV trong nhà trường.

31 phòng học được trang bị ti vi hoặc thiết bị trình chiếu phục vụ tương tác giáo viên-học sinh trong bài học.

01 Phòng tin học được trang bị 14 máy tính được kết nối Internet;

Tất cả cơ sở vật chất trên đảm bảo cho công tác dạy và học. Đặc biệt các trang thiết bị cơ sở vật chất trên đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

## Phần II

### TỰ ĐÁNH GIÁ

#### A. ĐẶT VẤN ĐỀ

##### 1. Tình hình chung của nhà trường

###### 1.1. Thuận lợi

- Nhà trường đã đạt chuẩn QG mức độ II và chuẩn KĐCLGD cấp độ III trong năm 2022, tập thể nhà trường đoàn kết.

- CSVC cơ bản đảm bảo, cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp.

- Có đủ phòng học và bàn ghế cho 27 lớp học 2b/ngày.

- Đội ngũ giáo viên  $39/42 = 93\%$  đạt trình độ chuẩn Đại học (02 GV hợp đồng và 01 GV cao tuổi sắp nghỉ hưu chưa đạt chuẩn Đại học). Tất cả giáo viên nhà trường đã có chuyển biến trong nhận thức về việc thực hiện việc chuyển đổi số trong giáo dục, thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy ở tất cả các môn học trong các khối lớp. 100% giáo viên đều trình độ đạt chuẩn về Tin học và có khả năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

- Chính quyền địa phương luôn quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường hoàn thành nhiệm vụ.

- Nhà trường tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua lớn của ngành: “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và tình trạng học sinh không đạt chuẩn lên lớp”. "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua: "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực". Thực hiện việc tập trung chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và điều chỉnh các môn học của chương trình.

###### 1.2. Khó khăn

- Sự quan tâm đầu tư cho học tập của con em ở một bộ phận nhân dân ở khu vực Miếu Thán- Đồng Bồng của phường Vàng Danh và khu vực giáp danh xã Thượng Yên Công còn hạn chế do điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình cũng như nhận thức của phụ huynh.

- Trang thiết bị dạy học đối với khối lớp 5 một số thiết bị đã hư hỏng không đáp ứng được nhu cầu dạy học theo hướng đổi mới; thiết bị dạy học lớp 2, 3,4 theo chương trình GDPT 2018 chưa được trang cấp đầy đủ;

- Việc đổi mới nội dung, phương pháp và HTCTDH dạy học còn gặp khó khăn do còn thiếu phương tiện dạy học hiện đại, thiếu phòng Studio, các thiết bị số có tính năng hỗ trợ GV xây dựng học liệu số, điều kiện cơ sở vật chất và sự tiếp cận phương pháp dạy học hiện đại của 1 vài GV còn hạn chế.

## 2. Mục đích tự đánh giá

2.1. Tự đánh giá để xem xét thực trạng mức độ chuyển đổi số trong nhà trường Xác định mức độ chuyển đổi số đạt được của nhà trường; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao mức độ chuyển đổi số trong nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng mức độ chuyển đổi số của nhà trường; đề cơ quan quản lý đánh giá, công nhận hoặc không công nhận mức độ chuyển đổi số của nhà trường.

2.2. Tự đánh giá để giúp nhà trường giải trình với xã hội, với cơ quan chức năng có thẩm quyền, với cha mẹ học sinh về việc nhà trường đã thực hiện chuyển đổi số và mức độ đạt được. Đồng thời khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho việc triển khai thực hiện chuyển đổi số, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao mức độ chuyển đổi số; đề cơ quan quản lý đánh giá, công nhận hoặc không công nhận mức độ chuyển đổi số. cơ sở giáo dục phổ thông.

## 3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

### 3.1. Tóm tắt quá trình trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường thực hiện theo 07 bước theo công văn số 873/SGDĐT-VP ngày 21/3/2024 hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trong đó có quy trình tự đánh giá như sau:

*Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá*

*Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá*

*Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.*

*Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.*

*Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.*

*Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá và kết quả đạt được*

*Bước 7. Kiểm tra các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.*

Khi thực hiện 07 bước trên nhà trường đều thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học. Hội đồng tự đánh giá thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các nhóm thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GDĐT thành phố Uông Bí, nhà trường đã tiến hành công tác tự đánh giá năm học 2023- 2024 bắt đầu từ ngày 21 tháng 3 năm 2024 và hoàn thành vào cuối tháng 5 năm 2024. Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho các nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng tự đánh giá đã lập kế hoạch công tác cho cả giai đoạn và kế hoạch chi tiết cho từng năm học, thể hiện rõ thời gian cần được tiến hành để đánh giá chất lượng từng mặt giáo dục của nhà trường. Công việc dự kiến các thông tin, minh chứng cần thu thập, cần xử lý cho từng tiêu chí được phân công một cách khoa học, cụ thể. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động sự tham gia của toàn



thể đội ngũ CB, GV, NV và Ban đại diện CMHS, sự giúp đỡ của Phòng GDĐT thành phố Uông Bí, Đảng uỷ, UBND và các đoàn thể của phường Vàng Danh và sự tham gia của lực lượng xã hội có liên quan. Quá trình tự đánh giá là một cơ hội để nhà trường nhìn lại chặng đường đã qua, tự hào với những thành quả đã đạt được để tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại. Tiếp tục thực hiện mục tiêu đạt mức 3 chuyên đổi số.

Các thành viên hội đồng tự đánh giá đã nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của công tác tự đánh giá và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các nhóm công tác sau khi hoàn thành việc thu thập, mã hóa các minh chứng đã viết phiếu đánh giá tiêu chí. Chủ tịch hội đồng tự đánh giá đã tiến hành viết báo cáo tự đánh giá. Báo cáo được trình bày đầy đủ nội hàm của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Mỗi chỉ số đều được mô tả chi tiết hiện trạng của nhà trường trong từng hoạt động. Trên cơ sở đó khái quát điểm mạnh, điểm yếu, đề ra kế hoạch, biện pháp tích cực, nhằm cải tiến chất lượng cho những năm học tiếp theo.

### 3.2. Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc đối chiếu những kết quả đã đạt được với mức độ chuyên đổi số. Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, nhà trường đã xác định những mặt mạnh nổi bật và những mặt hạn chế. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến nội dung hoạt động chuyên đổi số trong giai đoạn tiếp theo.

Những điểm mạnh nổi bật: Trong nhiều năm qua, nhà trường đã nỗ lực phấn đấu không ngừng, nhiều năm liền luôn giữ vững và nâng cao chất lượng GDĐT. Phong trào thi đua dạy và học đạt được nhiều thành tích nổi bật của ngành GDĐT thành phố Uông Bí, được cha mẹ học sinh tin yêu và cấp trên ghi nhận. Tập thể nhà trường luôn đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tập thể thực sự là tấm gương tiêu biểu, có uy tín đối với chính quyền, nhân dân phường và thành phố. Công tác chuyên đổi số trong giáo dục được triển khai có kế hoạch, đúng tinh thần chỉ đạo của ngành và bước đầu đạt được hiệu quả. Trường học có đủ cơ sở vật chất, bước đầu đáp ứng yêu cầu về chuyên đổi số trong giáo dục.

Những điểm yếu cơ bản: Lực lượng giáo viên tuổi đời không đồng đều, một số giáo viên tuổi cao hạn chế về trình độ ngoại ngữ, một số giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và công tác còn hạn chế.

Để hoàn thành tốt công tác tự đánh giá mức độ chuyên đổi số của nhà trường, đòi hỏi người quản lý nhà trường trước hết phải hiểu các văn bản chỉ đạo của ngành về chuyên đổi số. Lãnh đạo nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, làm việc khoa học, dành nhiều thời gian công sức trí tuệ để chỉ đạo hướng dẫn giáo viên, nhân viên thực hiện. Với tinh thần trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, sự giúp đỡ của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ninh, Phòng GDĐT thành phố Uông Bí, Đảng uỷ, chính quyền địa phương, CMHS, đến nay công tác tự đánh giá mức độ chuyên đổi số năm học 2023-2024 của nhà trường đã cơ bản hoàn thành.

Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trường tiểu học có ý nghĩa rất lớn với những quyết sách và con đường đi tiếp theo của nhà trường, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của trường cũng như của ngành trong giai đoạn hiện nay- thời đại công nghệ 4.0, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương; là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông, góp phần đưa vị thế nhà trường lên một tầm cao mới.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ**

#### **PHẦN THỨ NHẤT: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học**

##### **Mở đầu:**

Chuyển đổi số trong giáo dục mở ra nhiều cơ hội trong việc cải thiện và phát triển giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong thời đại công nghệ 4.0. tạo nên cơ hội nổi bật.

Tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Sự phát triển của công nghệ thông tin và internet tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giáo dục trực tuyến. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng internet nhanh và ổn định, sẽ giúp thúc đẩy giáo dục số.

Mở rộng tiếp cận công nghệ: Đảm bảo rằng học sinh, giáo viên và nhà trường có khả năng sử dụng công nghệ là một cơ hội lớn. Điều này giúp tất cả các bên liên quan tận dụng các công cụ và ứng dụng kỹ thuật số để nâng cao chất lượng giáo dục.

Phát triển nội dung số hóa: Chuyển đổi số trong giáo dục cần có nội dung số hóa phù hợp với nhu cầu giảng dạy và học tập hiện đại. Việc tạo ra và chia sẻ nội dung giáo dục số đa dạng và chất lượng là một cơ hội quan trọng để nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Sự phát triển của hệ thống học trực tuyến: Các nền tảng học trực tuyến và khóa học trực tuyến mở cung cấp cơ hội cho mọi người tiếp cận giáo dục một cách linh hoạt và phù hợp với nhu cầu cá nhân, không phân biệt giới tính, địa lý hay tình trạng kinh tế.

Hỗ trợ và đầu tư từ chính phủ và các tổ chức: Chính phủ và các tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục. Hỗ trợ tài chính, đầu tư vào đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ giáo dục, cũng như xây dựng các chính sách phù hợp giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho chuyển đổi số trong giáo dục.

Tích hợp công nghệ vào quy trình giảng dạy: Công nghệ giúp nâng cao phương pháp giảng dạy, tạo ra môi trường học tập tương tác và hấp dẫn hơn. Các công cụ như bảng trắng thông minh, phần mềm giáo dục và ứng dụng di động có thể giúp tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và kỹ năng tư duy.

Phát triển kỹ năng số cho giáo viên và học sinh: Để thành công trong chuyển đổi số giáo dục, cần đảm bảo rằng cả giáo viên và học sinh đều có kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ. Đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giáo dục và hỗ trợ liên tục giúp thầy cô và học sinh làm quen và phát triển kỹ năng số của họ.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục: Trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều cơ hội mới trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm hệ thống học tập cá nhân hóa, phân tích dữ liệu học tập và hỗ trợ giáo viên trong việc giảng dạy. Việc tận dụng AI trong giáo dục giúp nâng cao hiệu quả học tập và đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh.

Hợp tác giữa các bên liên quan: Sự hợp tác giữa các nhà trường, doanh nghiệp, tổ chức là rất quan trọng để đạt được chuyển đổi số thành công trong giáo dục. Mỗi quan hệ hợp tác giữa các bên liên quan giúp tận dụng tài nguyên, chia sẻ kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp phù hợp với từng đối tượng.

Thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục: Nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục là cơ hội để phát triển các công cụ, phương pháp giảng dạy mới và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu tiêu luận, cũng như chấp nhận sự thay đổi và đổi mới, sẽ giúp tạo ra một môi trường giáo dục tiên tiến hơn.

Hướng tới hoàn thiện nội dung cần thiết cho chuyển đổi số trong trường học, cần Hoàn thiện quy trình dạy học online; Khai thác cơ sở dữ liệu nhà trường đã được số hoá phục vụ hoạt động truyền thông, lưu trữ. Khai thác hiệu quả hệ thống thiết bị phòng học thông minh được trang bị, phần mềm dạy học và các phương pháp tổ chức dạy học tích cực đáp ứng cho hình thức trực tiếp; trực tuyến cho phù hợp. Tăng cường khai thác UDCNTT trong kiểm tra đánh giá, tương tác giữa thầy-trò; nhà trường-gia đình. Nâng cao năng lực CBQL, GV, NV trong khai thác phần mềm, UDCNTT trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức HĐGD.

### **Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến**

Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm). Tiêu chí bắt buộc có.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ-Sở-Phòng GDĐT, trường đã xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, có các giải pháp thể hiện rõ trong các xây dựng phân phối chương trình và thực hiện đáp ứng nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến [M01.01.01]. Vào đầu năm học, trường xây dựng được Kế hoạch số 180/KH-THTP ngày 31/8/2023 về việc thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2023-2024[M01.01.02] và kế hoạch số 74a/KH-THTP ngày 5/4/2023 về việc triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của trường TH Trần Phú giải đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 20230 [M01.01.03]. Nội dung kế hoạch xác định rõ cách thức thực hiện và yêu cầu thực hiện thống kê tiết học, bài học theo môn/khối lớp về nội dung tổ chức dạy học trực tuyến [M01.01.04]. Nội

dung kế hoạch dạy học trực tuyến đảm các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT.

## 2. Điểm mạnh

Chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số theo chỉ đạo của ngành.

Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

## 3. Điểm yếu

Giải pháp thực hiện các kế hoạch còn chưa cho thấy hiệu quả trong lựa chọn nhân tố phân công nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả chưa có tiêu chí rõ ràng.

## 4. Kế hoạch cải tiến

CBQL trường cần có phân tích đánh giá chính xác hiện trạng, điều kiện thực hiện triển khai chuyển đổi số trong dạy học để xác định chỉ tiêu, mục tiêu phù hợp hơn.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực thực hiện sử dụng đồ dùng thiết bị công nghệ cho đội ngũ CBQL-GV-NV.

## 5. Tự đánh giá: Đạt

### **Tiêu chí 1.2:** Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến. Bắt buộc có.

### 1. Mô tả hiện trạng

Vào đầu năm học, nhà trường ra quyết định thành lập tổ CNTT, phân công trách nhiệm các thành viên đồng thời có những điều chỉnh, ban hành quy chế dạy học trực tuyến của năm học làm căn cứ cho các tổ chuyên môn xây dựng KHGD các môn học theo công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021. Từ đó giúp giáo viên có sự chuẩn bị phù hợp cho hoạt động xây dựng nguồn học liệu số của bản thân trong quá trình dạy học Quy chế dạy học trực tuyến thể hiện rõ các nội dung về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến (trực tuyến đồng thời/không đồng thời); Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến; Nhiệm vụ và quyền của nhà trường, giáo viên, học sinh trong dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến; Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến; Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến. Sang học kì 2, nhà trường ra thông báo về việc sử dụng hệ thống LMS trong nhà trường trên trang website olm.vn, địa chỉ link: <https://olm.vn>. [M01.02.01]; [M01.02.02]; [M01.02.04].

### 2. Điểm mạnh

Quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

### 3. Điểm yếu

Quy chế dạy học trực tuyến còn chưa đảm bảo cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

#### **4. Kế hoạch cải tiến**

Tăng cường bám sát các hướng dẫn tại Thông tư 09 và các thay đổi về điều kiện công nghệ của trường, môi trường giáo dục để điều chỉnh các nội dung quy chế dạy học trực tuyến theo hướng phát huy tính tích cực của giáo viên-nhân viên trong tự bồi dưỡng các năng lực sử dụng công nghệ và đánh giá học sinh qua hoạt động học tập trực tuyến.

Phát huy vai trò của giáo viên trong xây dựng nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt.**

##### **Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (Tối đa 30 điểm)**

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên): Tối đa 6 điểm.
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng dưới đây không quá 6 điểm.

- (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;
- (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;
- (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;
- (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường hợp đồng mua phần mềm OLM sử dụng thời gian cho năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025. Trường triển khai hướng dẫn cho giáo viên, học sinh sử dụng website olm.vn trong các hoạt động tổ chức cho học sinh tự kiểm tra, hỏi đáp trực tuyến trên hệ thống phục vụ cho hoạt động đánh giá bằng nhận xét qua hệ thống bài tập trắc nghiệm, phiếu kiểm tra tự luận: [M01.03.01]; [M01.03.02]; [M01.03.03]; [M01.03.04];

Năm thứ 4 có sử dụng thống nhất phần mềm dạy học trực tuyến trên Meeting zoom, trường sử dụng tài nguyên tài khoản moet.edu tạo và cấp tài khoản học tập cho từng lớp nhưng hiện chưa có bản quyền (hạn chế 30 phút). Bên cạnh đó có thống nhất phương án sử dụng dự phòng Google meet cho việc dạy học trực tuyến. Có phương án cho học sinh diện nghỉ học nhiều ngày không đến trường thực hiện học trực tuyến song song với các học sinh của lớp [M01.03.05].

#### **2. Điểm mạnh**

Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến.

Có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

### 3. Điểm yếu

Chưa đảm bảo tương tác GV-HS trên môi trường trực tuyến và chưa có được sự tham gia phối hợp của phụ huynh học sinh trong quá trình học tập của học sinh.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên có nhiều phương án dạy học trực tuyến, kết hợp dạy học trực tuyến và trực tiếp để hướng đến giảm thời lượng

học tập trực tiếp trên lớp, dành nhiều thời gian cho các hoạt động giáo dục trải nghiệm.

Xây dựng đầy đủ quy chế và phối hợp cùng phụ huynh trong việc tạo điều kiện về thiết bị học tập, quản lý thời gian tự học, học trực tuyến của học sinh.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (19/30 điểm). Cụ thể:

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp: 06 điểm.
- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:
  - (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học (06 điểm).
  - (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh (03 điểm).
  - (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên (03 điểm).
  - (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh (01 điểm).

### **Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa (Tối đa 10 điểm)**

Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng được tổ chuyên môn thẩm định đảm bảo các tiêu chí phù hợp với tính sư phạm và kiến thức bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Mỗi năm nhà trường thực hiện thẩm định và phê duyệt các học liệu 2 lần vào cuối kỳ 1 và cuối kỳ 2 [M01.04.01]; [M01.04.02];

Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện được sử dụng trên nguồn học liệu mở do Sở GDĐT cung cấp; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thể hiện trong KHGD môn học/ HĐGD của giáo viên[M01.04.03].

#### 2. Điểm mạnh

Thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học đảm bảo 2 lần/năm và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

### 3. Điểm yếu

Giáo viên chưa có năng lực tự xây dựng các bài giảng số của riêng mình.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Nâng cao năng lực và có phương án thâm định kịp thời giá trị học liệu giáo viên sử dụng trong dạy học để phát huy học liệu giá trị cũng như chặn kịp thời học liệu không đạt yêu cầu, gây phản tác dụng sư phạm, tính mỹ thuật.

Tham mưu cho nhà trường trang bị được phòng kỹ thuật studio tạo điều kiện cho giáo viên xây dựng bài giảng số elearning.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (6/10 điểm)

**Tiêu chí 1.5:** Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính (Tối đa 20 điểm)

Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN. Yêu cầu cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm. Tối đa 15 điểm.

Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 5 điểm.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Hiện tại, trong năm học 2023-2024 nhà trường đã có bố trí Phòng máy tính có kế hoạch triển khai phần mềm kết nối [M01.05.01]. Trường hiện nay mới tổ chức cho học sinh tham gia các nội dung thi trực tuyến trên internet (olympic tiếng Anh) chưa tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính. Chưa có phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.

#### 2. Điểm mạnh

Có đầy đủ phòng máy tính phục vụ việc học và đủ điều kiện số lượng máy tính cho kiểm tra trực tuyến.

#### 3. Điểm yếu

Chưa đủ nhân lực và điều kiện kỹ thuật tổ chức kiểm tra trực tuyến (phần mềm quản lý kiểm tra; Kế hoạch tổ chức, quy chế thực hiện kiểm tra trực tuyến).

#### 4. Kế hoạch cải tiến

Đề nghị nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng GV phụ trách nâng cao nghiệp vụ và mua phần mềm phù hợp tổ chức được các nội dung, bài thi trực tuyến trên phòng máy tính và tổ chức triển khai các nội dung kiểm tra trực tuyến.

#### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (8/20 điểm). Cụ thể:

*Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN. Yêu cầu cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm: 8 điểm.*

*Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường: 0 điểm.*

### **Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số (Tối đa 20 điểm)**

- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có tài khoản trực tuyến: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm

- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm.

- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tối đa 6 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên đã xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

100% giáo viên được cấp và sử dụng tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến <https://temis.csdl.edu.vn/temis> của Học viện quản lý giáo dục để tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2028. 100% giáo viên có tài khoản giáo viên trên hệ thống LMS olm.vn để thực hiện dạy học trực tuyến (Giao bài học; giao bài kiểm tra củng cố-luyện tập các bài dạy; tương tác hỏi-đáp và nhận xét, tổng hợp kết quả học tập trực tuyến). Hàng năm có 12-16 (đạt 17,6%) giáo viên tự đăng ký tham gia các khoá học bồi dưỡng phương pháp dạy học; nghiệp vụ công tác chủ nhiệm lớp [M01.06.01]; [M01.06.02]

100% giáo viên thực hiện trình chiếu trong các bài dạy, 35% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. [M01.06.03]

100% giáo viên xây dựng bài giảng có khai thác, sử dụng học liệu số từ nguồn được thẩm định của tổ chuyên môn. [M01.04.02]

Hàng năm, nhà trường cử CBGV tham gia các lớp tập huấn chuyên môn trực tuyến năm bắt chương trình GDPT 2018, phục vụ công tác chuyên môn nhà trường. [M01.06.04]

#### **2. Điểm mạnh**

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

#### **3. Điểm yếu**

Giáo viên tự xây dựng sản phẩm học liệu số sử dụng cho bài dạy nhưng hiệu quả chưa cao.

#### **4. Kế hoạch cải tiến**



CBQL và TTCM chủ động xây dựng các chuyên đề học tập và các tiêu chí thi đua tạo động lực cho giáo viên khai thác các tài khoản học tập bồi dưỡng trực tuyến.

Phó hiệu trưởng phụ trách tham mưu với lãnh đạo trường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử, đánh giá học liệu số đảm bảo phù hợp các yêu cầu đổi mới.

### **5. Tự đánh giá:** Đạt Mức độ 2 (14/20 điểm), cụ thể:

- *Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có tài khoản trực tuyến: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: 7 điểm*

- *Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: 5 điểm.*

- *Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tối đa 6 điểm. Chi tiết, tỉ lệ giáo viên đã xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: 2 điểm.*

### **Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học (Tối đa 20 điểm)**

- *Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm. Chi tiết, tỉ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu: <20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm.*

- *Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết: Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm.*

- *Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Tối đa 5 điểm.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

100% (29/29) phòng học được trang bị màn hình tương tác hoặc tivi màn hình 75 inch; mỗi phòng có 01 đầu phát wifi. Nhà trường hợp đồng với nhà mạng Viettel, FPT lắp mạng Wifi phủ kín không gian nhà trường thuận lợi cho việc khai thác thông tin phục vụ công tác giảng dạy và giáo dục của nhà trường. Trường có bố trí 01 phòng học Tin học, được trang cấp có 14 máy tính đảm bảo đáp ứng 03 học sinh/máy tính. Trong quá trình sử dụng trường ban hành quy chế sử dụng thiết bị phòng học bộ môn, quy định sử dụng thiết bị đối với học sinh, tổ chức bàn giao thiết bị sử dụng cố định theo năm học. Thực hiện ghi chép sổ sách theo sổ ghi đầu bài các lớp học, tổ chức đánh giá kết quả theo nội dung kiểm tra nội bộ đối với từng giáo viên trong năm học [M01.07.01]; [M01.07.02]; [M01.07.03]; [M01.07.04]; [M01.07.05],.

Mặc dù trường chưa xây dựng và bố trí được phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) nhưng giáo viên và tổ

CNTT vẫn tận dụng các phòng học bộ môn có thiết bị hiện đại để quay video, bài giảng phục vụ công tác dạy và học.

## 2. Điểm mạnh

Được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lý sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

## 3. Điểm yếu

Chưa xây dựng được tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn quy trình xây dựng, sử dụng phòng studio phục vụ xây dựng bài giảng số, học liệu số.

## 4. Kế hoạch cải tiến

Phát huy nghiệp vụ tổ công nghệ thông tin nhà trường và ban chỉ đạo chuyển đổi số của trường xây dựng quy trình kỹ thuật, tiêu chí thẩm định học liệu số, bài giảng điện tử. Từ đó đề xuất nhà trường mua sắm trang thiết bị phù hợp tránh lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng năng lực sử dụng hệ thống thiết bị được trang bị trong hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2 (14/20 điểm)

- *Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm. Chi tiết, tỉ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu: <20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: 8 điểm.*

- *Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết: Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: 5 điểm.*

- *Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) :1 điểm.*

### \*Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, quy chế dạy học trực tuyến thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến. Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến. Có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

Số lượng học liệu được số hóa, thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học đảm bảo 2 lần/năm và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy

tính. Có đầy đủ máy tính phục vụ việc học và đủ điều kiện số lượng máy tính cho kiểm tra trực tuyến.

Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số, Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học, được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyên đổi số và tổ chức quản lý sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

**Đánh giá chung: Đạt mức độ 2 ( đạt 61/100)**

**PHẦN THỨ HAI: Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục**

**Mở đầu:**

Chuyển đổi số là bước chuyển mình mạnh mẽ, đòi hỏi sự thay đổi từ trong tư duy, nhận thức của mỗi người. Do vậy, cần thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, phổ cập tầm quan trọng cho giáo viên, cán bộ nhà trường. Từ đó mới phối hợp cùng nhau xây dựng văn hóa số trong giáo dục. Tiến hành hướng dẫn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ số cho tất cả những người làm công tác giảng dạy, như kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin,... trên môi trường số. Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục bằng cách áp dụng công nghệ số trong phương pháp giảng dạy, giúp mở ra nhiều cơ hội để tăng cường chất lượng giáo dục và giúp học sinh phát triển toàn diện trong thế giới số hóa ngày càng phát triển.

Cải thiện cơ sở dữ liệu: Việc chú trọng vào triển khai quản lý hệ thống, chia sẻ dữ liệu để đồng bộ trong giáo dục, chuyển đổi tất cả tài liệu từ giấy tờ qua văn bản điện tử. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị phục vụ quá trình dạy và học, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả mọi người, ở mọi vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội số khác nhau.

Các hoạt động như thúc đẩy triển khai học liệu số, hình thành kho học liệu mở dùng chung cho toàn ngành, đồng thời hợp tác, liên kết với các tổ chức trên thế giới, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, khuyến khích và hỗ trợ triển khai các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

Xây dựng hạ tầng mạng và các thiết bị công nghệ tiên tiến: Hạ tầng mạng và các trang thiết bị phải được cải tiến, đổi mới khi chuyển đổi số trong giáo dục. Tăng cường kết hợp với các công nghệ hiện đại trên thế giới như AI, Big data, IoT, Blockchain,... với cơ sở dữ liệu số để xây dựng hệ thống thu thập thông tin, đưa ra dự báo và thiết lập ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng người học.

Hoàn thiện hệ thống pháp lý, ứng dụng phần mềm quản lý: Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, chính sách sẽ đảm bảo quyền lợi cho người học. Theo đó, cần thống nhất các quy định liên quan đến: Khai thác, chia sẻ dữ liệu, thông tin; Hình thức giảng dạy; Quản lý các khóa học trực tuyến; Điều kiện cần và đủ để mở trường học.

Quá trình chuyển đổi số trong giáo dục cần áp dụng các phần mềm quản lý, đây cũng là hình thức được nhiều trường học, cơ sở áp dụng. Bên cạnh đó, các phần mềm tích hợp tính năng vượt trội cũng giúp nhà trường tăng cường nghiệp vụ, quản lý hồ sơ, giảng dạy với các thao tác linh hoạt, nhanh chóng. Việc phát triển các khóa học trực tuyến cũng góp phần rất lớn trong công tác phục vụ giáo viên dạy học tại vùng sâu, vùng xa, những nơi có hoàn cảnh khó khăn và địa hình hiểm trở, thời tiết xấu, cơ sở vật chất nhà trường chưa hoàn thiện,...

Sử dụng nền tảng học liệu số trong giáo dục: iGiaoduc.vn là một nền tảng giáo dục số trực tuyến được phát triển bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Ban điều hành Đề án Hệ tri thức Việt số hóa và các đối tác tài trợ, hỗ trợ. Nền tảng này được xây dựng nhằm mục tiêu thu thập, lựa chọn, chia sẻ học liệu số dùng chung phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong các nhà trường. iGiaoduc.vn là một kho học liệu số khổng lồ với hơn 100.000 học liệu số thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm: Sách giáo khoa; Bài giảng; Bài tập; Kiểm tra, đánh giá; Trò chơi học tập; Video bài giảng; E-learning.

### **Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số**

Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Điều kiện bắt buộc.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Sau khi ban hành kế hoạch UDCN thông tin và chuyển đổi số năm học, căn cứ nhiệm vụ được phân công, trường kịp thời ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, tổ CNTT đồng thời phân công nhiệm vụ phụ trách, triển khai. Ban chỉ đạo có đủ thành phần, rõ họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm [M02.01.01], [M02.01.02].

#### **2. Điểm mạnh**

Triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

#### **3. Điểm yếu**

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của tổ CNTT chưa đảm bảo, chưa giúp CB-GV-NV thực hiện tốt nâng cao nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu.

#### **4. Kế hoạch cải tiến**

Ban chỉ đạo cần tham mưu nhà trường đưa vào các quy chế chuyên môn, nội dung tiêu chí đánh giá BDTX của CBQL-GV các nội dung về chuyển đổi số và kỹ năng cơ bản được tập huấn, hướng dẫn trong đơn vị.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt.**

**Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

Có ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Nội dung bắt buộc.

**1. Mô tả hiện trạng**

Sau khi ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm học, căn cứ nhiệm vụ được phân công, trường kịp thời ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ phụ trách, triển khai. Ban chỉ đạo có đủ thành phần, rõ họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm [M02.01.01], [M01.02.01].

**2. Điểm mạnh**

Triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa đảm bảo môi trường giúp CB-GV-NV thực hiện tốt nâng cao nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu.

**4. Kế hoạch cải tiến**

Ban chỉ đạo CDS cần tham mưu nhà trường đưa vào các quy chế chuyên môn, nội dung tiêu chí đánh giá BDTX của CBQL-GV các nội dung về chuyển đổi số và kỹ năng cơ bản được tập huấn, hướng dẫn trong đơn vị.

**5. Tự đánh giá: Đạt.**

**Tiêu chí 2.3: Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (Tối đa 70 điểm)**

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường:

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm. Nếu chỉ cung cấp thông tin file PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm (cho phép dùng chứng thư số trong việc xác thực, ký trực tiếp trên phần mềm quản lý, xác thực được thông tin chữ ký, chứng thư số trên hồ sơ điện tử).
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán. Tối đa 8 điểm.
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý). Tối đa 8 điểm.

## 1. Mô tả hiện trạng

Trường có sử dụng hệ thống quản trị nhà trường <https://csdl.moet.gov.vn> và hướng dẫn thực hiện trong văn bản ban hành quy định lập và sử dụng hồ sơ sổ sách nhà trường, TCM, giáo viên. Trường sử dụng hệ thống qlth.quangninh.edu.vn đồng bộ dữ liệu trường học của Sở GDĐT triển khai bao gồm phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập); Phần mềm quản lý CSVC, quản lý sức khỏe học sinh trên Smas. Hệ thống quản lý côn tác kiểm định trên Driver. Thực hiện sổ học bạ điện tử, thực hiện cấp và sử dụng chữ ký số cho 100% CBQL, GV, NV nhà trường. Thực hiện triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trên website <https://ccvc.quangninh.gov.vn> và có triển khai phân hệ quản lý kế toán MISA [M02.03.01];[M02.03.02];[M02.03.03];[M02.03.04];[M02.03.05];[M02.03.06];[M02.03.07];[M02.03.08]; [M02.03.09]; [M01.02.02].

Trường có trang facepage cập nhật tin bài và tương tác phù hợp. Ngoài ra, nhà trường cũng xây dựng trang Website để cập nhật các văn bản chỉ đạo chính thống và công bố rộng rãi [M02.03.10]; [M02.03.11].

## 2. Điểm mạnh

Cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

## 3. Điểm yếu

Chưa triển khai phần mềm quản lý thư viện thiết bị. Chưa có phân hệ quản lý cơ sở vật chất và theo dõi thông tin sức khỏe học sinh, mới chỉ sử dụng kết hợp trong phần mềm Smas. Chữ kí số của CBGV mới chỉ sử dụng cho phần mềm học bạ số.

## 4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2024-2025 tổ chức triển khai phần mềm quản lý thư viện, tổ chức tập huấn cho CBGVNV sử dụng.

Hướng dẫn nhân viên y tế học đường sử dụng quản lí thông tin y tế, sức khỏe học sinh trên qlth.quangninh.edu.vn.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3 (51/70 điểm). Cụ thể:

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường: 6 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập): 8 điểm.
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử: 3 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV: 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất: 5 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh: 5 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán: 8 điểm.

- *Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý): 8 điểm.*

#### **Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến (Tối đa 30 điểm)**

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến được đánh giá thông qua các dịch vụ sau đây:

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web). Tối đa 8 điểm. Điểm số được đánh giá theo mức độ tự động (automation) của ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường theo các kịch bản, sự kết nối với dữ liệu quản trị của nhà trường, tỉ lệ học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, tỉ lệ hài lòng của phụ huynh học sinh với nhà trường, ...

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Tối đa 12 điểm. Đánh giá theo mức độ hoàn thiện của hệ thống phần mềm tuyển sinh trong quá trình thực hiện (hỗ trợ một phần, hỗ trợ toàn phần, có xác thực chứng thư số, ...).

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Tối đa 10 điểm. Đánh giá theo số lượng dịch vụ thực hiện thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (tỉ lệ dịch vụ, tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng và quy trình ứng dụng hình thức không dùng tiền mặt, ...).

### **1. Mô tả hiện trạng**

Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT chủ yếu dùng qua zalo tạo nhóm phụ huynh, học sinh, tổ -nhóm công tác, chuyên môn từ đó tạo các tương tác, kết giữa gia đình và nhà trường, giáo viên với giáo viên, quản trị trường với giáo viên-nhân viên. Bên cạnh đó sử dụng các tiện ích trực tuyến trong khảo sát, phiếu hỏi các nội dung dịch vụ công đến GV-HS-PHHS [M02.04.01].

Từ năm học 2022-2023 nhà trường có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến có hỗ trợ một phần đối với các bước thực hiện đăng ký tuyển sinh trực tuyến lớp 1 [M02.04.02].

Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục (bán trú, nước) theo hình thức không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh [M02.04.03].

### **2. Điểm mạnh**

Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

### **3. Điểm yếu**

Chưa có giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lí hồ sơ.

### **4. Kế hoạch cải tiến**

CBQL thực hiện tư vấn và bồi dưỡng năng lực giáo viên, nhân viên thực hiện giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình-nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lí hồ sơ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức độ 3 (20/30 điểm). *Cụ thể:*

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web): 2 điểm. Điểm số được đánh giá theo mức độ tự động (automation) của ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường theo các kịch bản, sự kết nối với dữ liệu quản trị của nhà trường, tỉ lệ học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, tỉ lệ hài lòng của phụ huynh học sinh với nhà trường, ...

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: 8 điểm. Đánh giá theo mức độ hoàn thiện của hệ thống phần mềm tuyển sinh trong quá trình thực hiện (hỗ trợ một phần, hỗ trợ toàn phần, có xác thực chứng thư số, ...).

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt: 10 điểm. Đánh giá theo số lượng dịch vụ thực hiện thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (tỉ lệ dịch vụ, tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng và quy trình ứng dụng hình thức không dùng tiền mặt, ...).

**Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:**

Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường, cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến, có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình qua nhóm zalo, facebook và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 2 (71/100)

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

- Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 04 (100%)

Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 1: 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 2: 05 (71,4%)

Số tiêu chí Mức độ 3: 02 (28,6%)

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.



- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng cơ bản: Mức độ 2.
- Các kết luận khác (nếu có).

*Uông Bí, ngày 31 tháng 5 năm 2024*

**TM. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Dũng  
(Hiệu trưởng trường TH Trần Phú)**

